

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, KHÓA 2024**

**Ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**Mã ngành: 8340201**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2024**

## MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
1. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	2
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives).....	6
2.1. Mục tiêu chung .....	6
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	7
3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes) .....	7
4. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) .....	10
5. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF) .....	10
6. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF ...	12
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....</b>	<b>13</b>
1. Cấu trúc chương trình dạy học .....	13
2. Nội dung chương trình .....	15
3. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần ...	17
4. Kế hoạch dạy học toàn khóa .....	19
5. Sơ đồ tiến trình đào tạo .....	22
6. Phương pháp giảng dạy.....	23
6.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy .....	23
6.2. Các phương pháp giảng dạy .....	23
6.3. Ma trận học phần và phương pháp giảng dạy .....	25
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	29
7.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập .....	29
7.2. Các phương pháp đánh giá .....	29
7.3. Ma trận học phần và phương pháp đánh giá kết quả học tập .....	30
8. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs), học phần, phương pháp giảng dạy (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs) .....	32
9. Đề cương chi tiết các học phần .....	44
10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	44
11. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo .....	51
<b>III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO.....</b>	<b>51</b>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, KHÓA 2024**  
**CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên ngành đào tạo (tiếng Việt)	<b>TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG</b>
Tên ngành đào tạo (tiếng Anh)	<b>Finance and Banking</b>
Mã ngành đào tạo	8340201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
Tên văn bằng	Bằng thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo	Định hướng ứng dụng
Đơn vị quản lý chương trình đào	Viện Đào tạo sau đại học

tạo	
Thông tin về chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	
Tổng khối lượng kiến thức	60 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	2 năm



Chuẩn đầu vào	<p><b>Điều kiện dự tuyển:</b></p> <p>a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;</p> <p>c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&amp;ĐT ban hành và theo quy định của CTĐT của Trường.</p> <p>d) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Trường tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường</p> <p><b>Yêu cầu về học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển:</b></p> <p>a) Ngành phù hợp (ngành đào tạo ở trình độ đại học) bao gồm: Tài chính-Ngân hàng.</p> <p>b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức bao gồm: Các ngành gần (cùng mã cấp II) và các ngành khác (không cùng mã cấp II) đối với ngành Tài chính-Ngân hàng.</p> <p>Đối với các ngành khác với ngành Tài chính-Ngân hàng, người dự tuyển phải có giấy xác nhận của cơ quan công tác về việc đang làm công việc có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.</p> <p>c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:</p> <table border="1" data-bbox="420 1151 1381 1563"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Học phần</th> <th>Số tín chỉ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kinh tế vi mô</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Kinh tế vĩ mô</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Quản trị ngân hàng thương mại</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Nguyên lý kế toán</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Quản trị học</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Học phần	Số tín chỉ	1	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	2	Kinh tế vi mô	3	3	Kinh tế vĩ mô	3	4	Quản trị ngân hàng thương mại	3	5	Nguyên lý kế toán	3	6	Quản trị học	3
STT	Học phần	Số tín chỉ																				
1	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3																				
2	Kinh tế vi mô	3																				
3	Kinh tế vĩ mô	3																				
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3																				
5	Nguyên lý kế toán	3																				
6	Quản trị học	3																				
Thang điểm đánh giá và cách thức đánh giá kết quả học tập	Thang điểm 4, theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.																					
Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường, các điều kiện chuyên môn bao gồm:																					

	<p>a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&amp;ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.</p>
<p>Vị trí việc làm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên phân tích và tư vấn Tài chính-Ngân hàng: phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh, tài chính; lập kế hoạch tài chính; tư vấn xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh tài chính-ngân hàng</li> <li>- Quản lý chiến lược hay quản lý chức năng như kinh doanh, marketing, tín dụng, dự án đầu tư, quản lý rủi ro....</li> <li>- Nhà quản lý hoặc tư vấn chính sách trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội.</li> <li>- Tự khởi nghiệp kinh doanh độc lập; tự thành lập làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty.</li> <li>- Nhà quản trị, điều hành cấp trung ở các bộ phận chức năng khác nhau: giám đốc chi nhánh, giám đốc Phòng giao dịch; Giám đốc Bộ phận, Trưởng các phòng tín dụng, marketing, dịch vụ khách hàng, thị trường, ...</li> <li>- Nhà quản trị, điều hành cấp cao trong các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước như: Giám đốc chi nhánh/ khu vực, Giám đốc điều hành, Giám đốc/ Tổng giám đốc doanh nghiệp/ tổ chức/ tập đoàn.</li> <li>- Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện kinh tế, các cơ quan nhà nước.</li> </ul>
<p>Khả năng học tập, nâng cao trình độ của</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ về lĩnh vực chuyên môn liên quan chuyên ngành đào tạo;</li> </ul>



người học sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ các ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo.</li> </ul>
Chương trình đào tạo đã tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và chuyên ngành Ngân hàng (hướng ứng dụng) của Đại học Kinh tế TP.HCM; <a href="https://tuyensinh.uch.edu.vn/bai-viet/chuyen-nganh-tai-chinh-thac-si-huong-ung-dung/">https://tuyensinh.uch.edu.vn/bai-viet/chuyen-nganh-tai-chinh-thac-si-huong-ung-dung/</a></li> <li>- Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng (hướng ứng dụng) của Đại học Ngân hàng TP.HCM; <a href="https://khoasdh.hub.edu.vn/cac-nganh-dao-tao/thac-si/tai-chinh-ngan-hang">https://khoasdh.hub.edu.vn/cac-nganh-dao-tao/thac-si/tai-chinh-ngan-hang</a> (trong nước)</li> <li>- Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng (hướng ứng dụng) của Học viện Ngân hàng; <a href="https://hvn.edu.vn/gs/vi/van-ban-phap-quy-quy-che-dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-sau-dai-hoc-tai-hoc-vien-ngan-hang-ap-dung-tu-nam-2022-405.html">https://hvn.edu.vn/gs/vi/van-ban-phap-quy-quy-che-dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-sau-dai-hoc-tai-hoc-vien-ngan-hang-ap-dung-tu-nam-2022-405.html</a> (trong nước).</li> <li>- Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Trường ĐH Cardiff Metropolitan (UK), <a href="https://www.cardiffmet.ac.uk/management/courses/Pages/Banking-and-Finance---MSc.aspx">https://www.cardiffmet.ac.uk/management/courses/Pages/Banking-and-Finance---MSc.aspx</a> (nước ngoài)</li> </ul>
Thời gian thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo	Ngày 16/3/2024

## 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives)

### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về Tài chính-Ngân hàng, khởi sự doanh nghiệp; có kỹ năng hoạch định và điều hành hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề về quản trị tại các định chế tài chính, phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường biến động, cạnh tranh và hội nhập toàn cầu, có khả năng tự học và học tập suốt đời.

### Mục tiêu cụ thể

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về tư duy và lý luận; kiến thức lý thuyết chuyên sâu, hiện đại và kiến thức thực tế sâu, rộng về Tài chính-Ngân hàng; kiến thức liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, kinh doanh và quản lý, pháp luật cần thiết cho một chuyên viên Tài chính -Ngân hàng cấp trung và cấp cao

- PO2 (Kỹ năng). Rèn luyện cho người học kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng; kỹ năng nghiên cứu, phân biệt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng ra quyết định một cách hiệu quả, kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.

3. PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực nghiên cứu ứng dụng độc lập, tự định hướng, có khả năng hợp tác trong công việc, có năng lực, quản lý, hướng dẫn người khác, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. Có ý thức tự học suốt đời nhằm nâng cao hiệu quả công việc

### 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)

POs	PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (tối thiểu)	Ghi chú (CĐR chung/ chuyên biệt)
PO1	PLO1	<b>Phân tích</b> được các nguyên lý và học thuyết nền tảng của triết học để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề một cách hệ thống, khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu	4/6	Chung
	PLO2	<b>Chọn lựa</b> phương pháp luận tư duy, quy trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, Tài chính -Ngân hàng, quản lý hoạt động chuyên môn tại các định chế tài chính.	5/6	Chuyên biệt
	PLO3	<b>Tổng hợp và phân tích tốt</b> các kiến thức chuyên sâu, hiện đại, cập nhật và am hiểu thực tế liên quan đến các hoạt động, chức năng kinh doanh dịch vụ Tài chính - Ngân hàng hiện đại, quản trị danh mục đầu tư, quản lý rủi ro tài chính..., đánh giá được khả năng ứng dụng của các kiến thức Tài chính-Ngân hàng trong thực tiễn.	5/6	Chuyên biệt



POs	PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (tối thiểu)	Ghi chú (CDR chung/ chuyên biệt)
	PLO4	<b>Xác định và lựa chọn</b> kiến thức liên ngành có liên quan, am hiểu và áp dụng tốt vào quá trình thiết kế và triển khai mô hình quản trị kinh doanh Tài chính-Ngân hàng, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn.	5/6	Chuyên biệt
PO2	PLO5	<b>Tích hợp</b> các kỹ năng tổ chức, hoạch định chiến lược và quản lý hoạt động kinh doanh của của các định chế tài chính	4/5	Chuyên biệt
	PLO6	<b>Sử dụng</b> hiệu quả các công nghệ và <b>phối hợp</b> thuần thục các kỹ năng trong thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin dữ liệu, phản biện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh Tài chính-Ngân hàng một cách khoa học, sáng tạo và có khả năng đột phá.	5/5	Chuyên biệt
	PLO7	<b>Phối hợp</b> kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề về quản trị và kinh doanh của các định chế Tài chính, có thể thảo luận với người cùng ngành và những người khác.	5/5	Chuyên biệt
	PLO8	<b>Sử dụng</b> ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.	4/5	Chung
PO3	PLO9	<b>Thể hiện</b> ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng.	5/5	Chung
	PLO10	<b>Duy trì</b> năng lực nghiên cứu, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, đúc kết được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5/5	Chuyên biệt
	PLO11	<b>Hình thành</b> khả năng quản lý công việc một cách độc lập, năng lực làm việc nhóm, hướng dẫn người khác và	5/5	Chuyên biệt

POs	PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (tối thiểu)	Ghi chú (CDR chung/ chuyên biệt)
		chịu trách nhiệm trong giải quyết tình huống thực tiễn.		
	PLO12	<b>Đề xuất</b> đánh giá và cải tiến các hoạt động thực tiễn thuộc chuyên môn Tài chính – Ngân hàng.	5/5	Chuyên biệt

(\*) Thang đo trình độ năng lực:

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
1	<b>Nhớ</b>	<b>Bắt chước</b>	<b>Tiếp nhận</b>
	Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	Khả năng lặp lại hành vi sau khi được quan sát đầy đủ	Khả năng lắng nghe và ý thức tiếp thu kiến thức
2	<b>Hiểu</b>	<b>Thao tác</b>	<b>Đáp ứng</b>
	Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát, diễn đạt lại kiến thức đã học	Khả năng hoàn thành một kỹ năng theo như chỉ dẫn	Khả năng tham gia tích cực vào quá trình học tập
3	<b>Vận dụng</b>	<b>Làm chuẩn xác</b>	<b>Hình thành giá trị</b>
	Áp dụng thông tin, khái niệm đã biết vào một tình huống, điều kiện mới để giúp giải quyết vấn đề	Khả năng lặp lại chính xác, nhịp nhàng, đúng đắn một kỹ năng, thường thực hiện độc lập không cần phải hướng dẫn	Khả năng tìm thấy được giá trị của thông tin và đánh giá theo quan điểm riêng
4	<b>Phân tích</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Tổ chức</b>
	Chia kiến thức, thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể	Khả năng kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự chính xác, nhịp nhàng và ổn định	Khả năng sử dụng phối hợp kiến thức, niềm tin, giá trị để giải quyết/ lý giải vấn đề



Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
	<b>Đánh giá</b>	<b>Làm thuần thục</b>	<b>Hình thành phẩm chất</b>
<b>5</b>	Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí	Khả năng hoàn thành dễ dàng một hay nhiều kỹ năng và trở thành tự nhiên, không đòi hỏi sự cố gắng về trí lực và thể lực	Khả năng kiểm soát đầu ra và ứng xử dựa trên hệ thống giá trị riêng
	<b>Sáng tạo</b>	-	-
<b>6</b>	Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có	-	-

### 5. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	X	X	X	X								
PO2					X	X	X	X				
PO3									X	X	X	X

### 6. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam *											
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO1	X											
PLO2	X											
PLO3	X		X									
PLO4		X	X									
PLO5						X						
PLO6				X			X					
PLO7					X							



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam *											
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO8								X				
PLO9									X	X	X	X
PLO10									X		X	
PLO11										X		X
PLO12												X

\* Mô tả bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
<b>Kiến thức (K)</b>	
K1	Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
K2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
K3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
<b>Kỹ năng (S)</b>	
S1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.
S2	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
S3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
S4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
S5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm (A)</b>	
A1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
A2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
A3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

Mã	<b>Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF</b>
Λ4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

**7. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF**

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF *										
	M1	M2	M3	V1	V2	C1	C2	C3	C4	P1	P2
PLO1	X	X		X	X	X				X	X
PLO2	X	X		X	X	X	X			X	X
PLO3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO5	X	X	X	X	X	X			X	X	X
PLO6	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO7	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
PLO8	X	X	X	X	X	X		X		X	X
PLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO10	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO11	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO12	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

\* Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF:

Mã	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF
<b>Sứ mạng (M)</b>	
M1	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu
M2	Xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo
M3	Phát triển năng lực làm việc thực tế, tinh chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng
<b>Tầm nhìn (V)</b>	



Mã	<b>Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF</b>			
V1	Trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực			
V2	Là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội			
<b>Giá trị cốt lõi (C)</b>				
C1	<b>Xuất sắc:</b> Cung cấp chương trình và dịch vụ đào tạo xuất sắc			
C2	<b>Sáng tạo:</b> Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, phát triển ý tưởng khởi nghiệp			
C3	<b>Hội nhập:</b> Hợp tác và hội nhập quốc tế toàn diện			
C4	<b>Phát triển:</b> Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng mọi hoạt động của Trường			
<b>Triết lý giáo dục (P)</b>				
	<b>Giáo dục toàn diện</b>			
P1	Giáo dục người học phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, có khả năng thích nghi với sự biến đổi của thế giới.			
	<b>Học tập suốt đời</b>			
P2	Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, tiên tiến; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu đa dạng nhằm hình thành, rèn luyện và thúc đẩy năng lực tự học và học tập suốt đời cho người học.			

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng khối lượng kiến thức của CTĐT: 60 tín chỉ.

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
<b>I.</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>6,7%</b>
1.1	Triết học	4	4	-	
<b>II.</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>41</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>68,3%</b>
2.1	Nghiên cứu khoa học	5	5	-	



STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
2.2	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</i>	36	21	15	
<b>III.</b>	<b>Kiến thức tốt nghiệp</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>-</b>	<b>25,0 %</b>
3.1	<i>Chuyên đề thực tế</i>	6	6	-	
3.2	<i>Đề án tốt nghiệp</i>	9	9	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>45</b> (75%)	<b>15</b> (25%)	

## 2. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA			TT
<b>I. Kiến thức chung</b>												
1.1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB		4						
<b>II. Kiến thức ngành</b>												
<b>II.1. Nghiên cứu khoa học</b>												
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Method	BB		3	3					
2.2	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	Research Project in Finance and Banking	BB		2	2					
<b>II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</b>												
2.3	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB		3	3					
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB		3	3					
2.5	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	BB		3	3					
2.6	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	BB		3	3					
2.7	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	Financial Investment and Portfolio Management	BB		3	3					
2.8	FIN6107	Tài chính công	Public Finance	BB		3	3					
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	BB		3	3					
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>				<i>15</i>						

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA			TT
2.10	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial Derivatives and Risk Management	TC		3	3					
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	Financial Management	TC		3	3					
2.12	FIN6105	Tài chính quốc tế	International Finance	TC		3	3					
2.13	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	Banking Management	TC		3	3					
2.14	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	Emerging Topics in Banking and Finance	TC		3	3					
2.15	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	Corporate Valuation	TC		3	3					
2.16	FIN6117	Thẩm định dự án	Project Appraisal and Analysis	TC		3	3					
2.17	FIN6122	Dự báo và phân tích dữ liệu tài chính	Forecast and analysis of financial data	TC		3	3					
<b>III. Kiến thức tốt nghiệp</b>						<b>15</b>						
3.1	FIN6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB		6				X		
3.2	FIN6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB		9				X		
<b>Tổng khối lượng kiến thức</b>						<b>60</b>						

**Ghi chú:** BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.



3. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) *															
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
<b>I. Kiến thức chung</b>																		
1.1	PHI6101	Triết học	3								2							
<b>II. Kiến thức ngành</b>																		
<b>II.1. Nghiên cứu khoa học</b>																		
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2						2							2	
2.2	FIN 6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính - Ngân hàng		3						2							2	
<b>II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</b>																		
2.3	ECO6101	Kinh tế học			2							2					2	
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu			2							2					2	
2.5	ACC6106	Phân tích tài chính			3					3	3					3	3	3
2.6	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính			3					3	3		1			3	3	3
2.7	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư			3					3	3					3	3	3
2.8	FIN6107	Tài chính công			3					3	3					3	2	3
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng			3					3	3					3		
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>																

STT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) *														
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
2.10	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính			3	3							1	3	2	2	3
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính			3	3	3							3	3	3	3
2.12	FIN6105	Tài chính quốc tế			3	2	3						1	3	3	2	2
2.13	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng			3	3	3						1	3	3	3	3
2.14	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính - Ngân hàng			3	3			3				1	3	3	3	3
2.15	FIN6121	Định giá doanh nghiệp			3	2								3	3	2	2
2.16	FIN6117	Thẩm định dự án			3				3					3	3	2	2
2.17	FIN6122	Dự báo và Phân tích dữ liệu tài chính		2	3			2	3				1		3	2	2
<b>III. Kiến thức tốt nghiệp</b>																	
3.1	FIN6402	Chuyên đề thực tế		3	3	3									3	3	3
3.2	FIN6403	Đề án tốt nghiệp		3	3	3									3	3	3

**Ghi chú:** \* Ghi các mức độ đóng góp: 1: Đóng góp thấp; 2: Đóng góp trung bình; 3: Đóng góp cao; -: Không đóng góp.

## 4. Kế hoạch dạy học toàn khóa

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết			Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA		
	<b>Học kỳ 1</b>												
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB			4	60	45	15		90	V.ĐTSDH
2	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB			3	45	28	17		60	V.ĐTSDH
3	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
4	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
5	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	Financial Investment and Portfolio Management	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
		<b>Cộng</b>					<b>16</b>	<b>240</b>	<b>208</b>	<b>32</b>		<b>330</b>	
	<b>Học kỳ 2</b>												
6	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB			3	45	19	26		60	V.ĐTSDH
7	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB			3	45	30	15		60	V.ĐTSDH
8	FIN6107	Tài chính công	Public Expenditure	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH

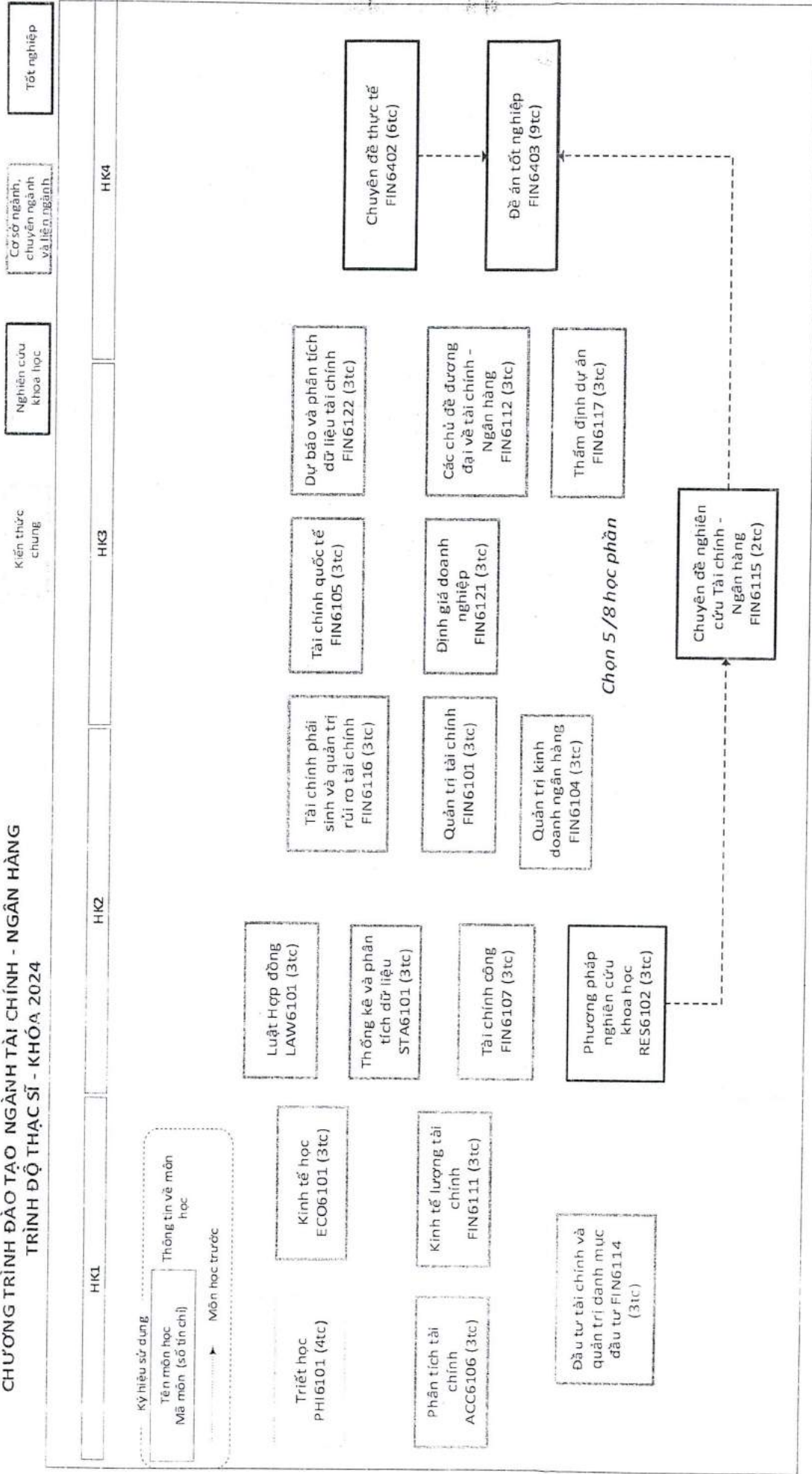


STT	Mã HP	Tên học phần		Mã HP học trước	Loại HP	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết			Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh					LT	TH	ĐA		
9	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law		BB	3	45	45			60	V.ĐTSDH
		<i>Chọn 1/8 học phần TC</i>										
10	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial Derivatives and risk management		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH
		<b>Cộng</b>				<b>15</b>	<b>225</b>	<b>184</b>	<b>41</b>		<b>300</b>	
	<b>Học kỳ 3</b>											
		<i>Chọn 4/8 học phần TC</i>										
11	FIN6101	Quản trị tài chính	Finance Management		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH
12	FIN6105	Tài chính quốc tế	International Finance		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH
13	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	Banking Management		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH
14	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính - Ngân hàng	Emerging Topics in Banking and Finance		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH
15	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	Corporate Valuation		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH
16	FIN6117	Thẩm định dự án	Project appraisal and analysis		TC	3	45	45			60	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh					Loại HP	LT	TH	ĐA		
17	FIN 6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	Research Project in Financial and Banking	BB		2	30	15	15		40	V.ĐTSDH	
18	FIN6122	Dự báo và phân tích dữ liệu tài chính	Forecast and analysis of financial data	TC		3	45				60	V.ĐTSDH	
		<b>Cộng</b>				<b>14</b>	<b>210</b>	<b>205</b>	<b>15</b>		<b>280</b>		
	<b>Học kỳ 4</b>												
18	FIN6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB		6				X		V.ĐTSDH	
19	FIN6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB		9				X		V.ĐTSDH	
		<b>Cộng</b>				<b>15</b>							

5. Sơ đồ tiến trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - KHÓA 2024



Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành

Nghiên cứu khoa học

Kiến thức chung

HK1

HK2

HK3

HK4

Tốt nghiệp



## 6. Phương pháp giảng dạy

### 7.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407/HĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

### 7.2. Các phương pháp giảng dạy

<b>Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)</b>	
<b>I</b>	<b>Dạy học trực tiếp</b>
TLM1	Thuyết giảng (Lecture)
TLM2	Khách mời thuyết giảng (Guest Lecture)
TLM3	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
<b>II</b>	<b>Dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm</b>
TLM4	Trò chơi (Games)
TLM5	Thực hành (Practice)
TLM6	Thực tập, trải nghiệm thực tế (Field Trip)
TLM7	Tranh luận (Debates)
TLM8	Mô hình (Models)
TLM9	Dạy học theo dự án (Project-based Learning)
TLM10	Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning)
<b>III</b>	<b>Dạy kỹ năng tư duy</b>
TLM11	Học theo vấn đề (Problem-based Learning)
TLM12	Học theo tình huống (Case Study)
TLM13	Tập kích não (Brain Storming)
TLM14	Sơ đồ tư duy (Mind Map)
<b>IV</b>	<b>Dạy học tương tác</b>
TLM15	Học nhóm (Teamwork Learning)

<b>Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)</b>	
TLM16	Thảo luận nhóm/ Seminar (Group Discussion)
TLM17	Chia sẻ nhóm đôi (Think - Pair - Share (TPS))
TLM18	Các mảnh ghép (Jigsaw)
TLM19	Đóng vai (Role Play)
<b>V</b>	<b>Dạy học dựa vào công nghệ</b>
TLM20	Học trực tuyến (E-Learning)
TLM21	Học kết hợp (Blended Learning)
TLM22	Học tập đảo ngược (Flipped Learning)
<b>VI</b>	<b>Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy</b>
TLM23	Nghiên cứu độc lập (Independent Research)
TLM24	Dự án nghiên cứu (Research Project)
TLM25	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)
TLM26	Trợ giảng và hỗ trợ học thuật (Teaching Assistance and Academic Support)
<b>VII</b>	<b>Tự học</b>
TLM27	Bài tập ở nhà (Work Assignment)
TLM28	Hoạt động thực hành ngôn ngữ ngoài giờ học (Out of Class Learning Activities)

## 7.3. Ma trận học phần và phương pháp giảng dạy

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy học phần (TLMs)																												
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
<b>I. Kiến thức chung</b>																															
1.1	PHI6101	Triết học	X		X											X						X								X	
<b>II. Kiến thức ngành</b>																															
<b>II.1. Nghiên cứu khoa học</b>																															
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X		X							X					X					X								X	
2.2	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	X									X					X					X								X	
<b>II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</b>																															
2.3	ECO6101	Kinh tế học	X		X							X					X					X								X	
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	X		X							X					X					X								X	



STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy học phần (TLMs)																												
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
2.5	ACC610 6	Phân tích tài chính	X		X				X		X					X						X									X
2.6	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	X		X				X		X					X						X								X	
2.7	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	X		X				X		X					X						X								X	
2.8	FIN6107	Tài chính công	X		X				X							X						X								X	
2.9	LAW610 1	Luật Hợp đồng	X		X						X					X						X								X	
<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>																															
2.10	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	X		X								X				X													X	
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	X		X																									X	

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy học phần (TLMs)																												
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
2.12	FIN6105	Tài chính quốc tế	X		X				X			X				X						X								X	
2.13	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	X		X	X			X			X				X						X				X					
2.14	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	X		X				X							X						X								X	
2.15	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	X		X							X				X						X								X	
2.16	FIN6117	Thẩm định dự án	X		X				X			X				X						X							X		
2.17	FIN6122	Dự báo và Phân tích dữ liệu tài chính	X		X				X			X				X						X							X		
<b>III. Kiến thức tốt nghiệp</b>																															
3.1	FIN6402	Chuyên đề thực tế							X			X																	X		





## 7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

### 7.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407 /HĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

### 7.2. Các phương pháp đánh giá

Mã	Phương pháp đánh giá	Đánh giá chẩn đoán (Diagnostic Assessment)	Đánh giá quá trình (Formative Assessment)	Đánh giá cuối kỳ (Summative Assessment)
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)		x	
AM2	Bài tập (Work Assignment)		x	
AM3	Thuyết trình (Presentation)		x	
AM4	Câu hỏi trắc nghiệm (Quiz Questions: Fill-in-the-blank, Multiple Choice, True or False, Matching,...)	x	x	x
AM5	Kiểm tra viết (Written Test)	x	x	x
AM6	Kiểm tra vấn đáp (Oral Exam)			x
AM7	Tiểu luận (Essay)			x
AM8	Báo cáo (Written Report)			x
AM9	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)		x	
AM10	Thực hành (Practice)		x	x
AM11	Đánh giá bằng dự án (Project-based Assessment)		x	x
AM12	Hồ sơ học tập (Portfolio Assessment)		x	x
AM13	Chuyên đề thực tế/ Đề án tốt nghiệp (Practical topics/ Thesis)			x

## 7.3. Ma trận học phần và phương pháp đánh giá kết quả học tập

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá kết quả học tập (AMs) */**															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
<b>I. Kiến thức chung</b>																		
1.1	PHI6101	Triết học	F		F						S			F				
<b>II. Kiến thức ngành</b>																		
<b>II.1. Nghiên cứu khoa học</b>																		
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	F	F								S						
2.2	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng									S							
<b>II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</b>																		
2.3	ECO6101	Kinh tế học			F			F				S	F					
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	F	F	F							S	F					
2.5	ACC6106	Phân tích tài chính			F			F/S				S	F					
2.6	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính			F			F/S				S	F					
2.7	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	F		F			F/S				S	F					
2.8	FIN6107	Tài chính công			F			F/S				S	F					
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	F					F				S						

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá kết quả học tập (AMs) */**														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>															
2.10	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính		F	F			F/S		S	F						
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	F	F	F			F/S		S	F						
2.12	FIN6105	Tài chính quốc tế		F	F			F/S		S	F						
2.13	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	F	F	F			F/S		S	F						
2.14	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	F					F/S			F						
2.15	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	F		F					S	F						
2.16	FIN6117	Thẩm định dự án		F	F					S	F						
2.17	FIN6122	Dự báo và Phân tích dữ liệu tài chính	F	F						F/S	F/S						
<b>III. Kiến thức tốt nghiệp</b>																	
3.1	FIN6402	Chuyên đề thực tế															S
3.2	FIN6403	Đề án tốt nghiệp															S

**Ghi chú:** \* Điền các thông tin; **D:** Đánh giá chẩn đoán; **F:** Đánh giá quá trình; **S:** Đánh giá cuối kỳ.

\*\* F/S: Giảng viên có thể áp dụng kiểm tra viết để đánh giá quá trình hoặc đánh giá cuối kỳ phù hợp với quá trình giảng dạy cho từng lớp.



8. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs), học phần, phương pháp giảng dạy (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO1: Phân tích</b> được các nguyên lý và học thuyết nền tảng của triết học để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề một cách hệ thống, khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu	PHI6101	Triết học	TLM1, TLM3, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27  F: {AM1, AM2, AM9}, S: {AM7}
	ECO6101	Kinh tế học	TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27  F: {AM1, AM5}, S: {AM8}
<b>PLO2: Chọn lựa</b> phương pháp luận tư duy, quy trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, quản lý hoạt động chuyên môn tại các định chế tài chính	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27  F: {AM1, AM2}, S: {AM8}
	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	TLM1, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM24, TLM27  S: {AM7}
	FIN6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24  S: {AM13}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO3: Tổng hợp và phân tích tốt</b> các kiến thức chuyên sâu, hiện đại, cập nhật và am hiểu thực tế liên quan đến các hoạt động, chức năng kinh doanh dịch vụ Tài chính - Ngân hàng hiện đại, quản trị danh mục đầu tư, quản lý rủi ro tài chính..., đánh giá được khả năng ứng dụng của các kiến thức Tài chính-Ngân hàng trong thực tiễn.	FIN6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24 S: {AM13}
	ECO6101	Kinh tế học	TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM5}, S: {AM8}
	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8}
	ACC6106	Phân tích tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6107	Tài chính công	TLM1, TLM3, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	LAW6101	Luật Hợp đồng	TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27 F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM7}



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO4. Xác định và lựa chọn</b> kiến thức liên ngành có liên quan, am hiểu và áp dụng tốt vào quá trình thiết kế và triển khai mô hình quản trị kinh doanh Tài chính-Ngân hàng, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn.	FIN6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24 S: {AM13}
	FIN6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24 S: {AM13}
	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6101	Quản trị tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6105	Tài chính quốc tế	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27 F: {AM1, AM3, AM5, AM9}, S: {AM5, AM7}
	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính - Ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}
	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
	FIN6117	Thẩm định dự án	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, F: {AM2, AM3, AM9},



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO5. Tích hợp</b> các kỹ năng tổ chức, hoạch định chiến lược và quản lý hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính		TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	S: {AM8}
	FIN6402	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	FIN6403	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	ACC6106	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6111	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6114	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6107	TLM1, TLM3, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	LAW6101	TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM7}
	FIN6116	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO6. Sử dụng hiệu quả các công nghệ và phối hợp thuận thực	FIN6101	Quản trị tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6105	Tài chính quốc tế	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27 F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}
	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
	FIN6117	Thẩm định dự án	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM2, AM3, AM9}, S: {AM7}
	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM2}, S: {AM8}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<p>các kỹ năng trong thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin dữ liệu, phản biện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh Tài chính-Ngân hàng một cách khoa học, sáng tạo và có khả năng đột phá.</p>	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	TLM1, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM24, TLM27	S: {AM7}
	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8}
	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6101	Quản trị tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6105	Tài chính quốc tế	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8, AM5}
FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8}	



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng	
PLO7: Phối hợp kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề về quản trị và	FIN6121	Định giá doanh nghiệp	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6117	Thẩm định dự án	TLM1, TLM3, TLM4, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM7}
	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM2, AM3, AM9}, S: {AM8, AM5}
	FIN6122	Dự báo và Phân tích Dữ liệu tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM2, AM7, AM9}, S: {AM7, AM9}
	FIN6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	FIN6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	PHI6101	Triết học	TLM1, TLM3, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM7}
	ECO6101	Kinh tế học	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
kinh doanh của các định chế Tài chính, có thể thảo luận với người cùng ngành và những người khác.	ACC6106	Phân tích tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}
	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	TLM1, TLM3, TLM7, TLM12, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM5}, S: {AM8}
Thực hiện các sáng kiến cải tiến quy trình, công việc tại đơn vị công tác. Tham gia các hoạt động chuyên giao khoa học công nghệ, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân sự trong đơn vị.				
<b>PLO8: Sử dụng ngoại ngữ</b> tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.	Tham gia các lớp đào tạo và thi chứng chỉ Ngoại ngữ đạt điều kiện xét tốt nghiệp, sử dụng giao tiếp hàng ngày và trong công việc.			
<b>PLO9: Thể hiện ý thức đạo đức</b> nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng.	Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành			



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng	
<p><b>PL10: Duy trì năng lực nghiên cứu, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, đúc kết được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</b></p>	Chấp hành pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm công dân, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng: thiện nguyện, tình nguyện.			
	Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành			
	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM2}, S: {AM8}
	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	TLM1, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM24, TLM27	S: {AM7}
	FIN6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	FIN6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
<p><b>PL11: Hình thành khả năng quản lý công việc một cách độc lập, năng lực làm việc nhóm, hướng dẫn người khác và chịu trách nhiệm</b></p>	Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, viết và đăng các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.			
	Thực hiện các sáng kiến cải tiến quy trình, công việc tại đơn vị công tác.			
	ACC6106	Phân tích tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}	



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
trong giải quyết tình huống thực tiễn.	FIN6114 Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6116 Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6101 Quản trị tài chính	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6105 Tài chính quốc tế	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8}
	FIN6104 Quản trị kinh doanh ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6112 Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM7}
	FIN6121 Định giá doanh nghiệp	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	FIN6117	Thẩm định dự án	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
	FIN 6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24 S: {AM13}
	FIN 6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24 S: {AM13}
<b>PL12: Đề xuất đánh giá và cải tiến các hoạt động thực tiễn thuộc chuyên môn Tài chính – Ngân hàng.</b>	ACC6106	Phân tích tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	TLM1, TLM3, TLM8, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
	FIN6101	Quản trị tài chính	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
FIN6105	Tài chính quốc tế	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM2, AM3, AM9}, S: {AM8}
FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM3, AM5, AM9}, S: {AM8}
FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính – Ngân hàng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM24, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM7}
FIN6121	Định giá doanh nghiệp	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}
FIN6117	Thẩm định dự án	TLM1, TLM3, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
FIN6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
FIN6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}



## 9. Đề cương chi tiết các học phần

Dính kèm Phụ lục.

## 10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
<b>I. Kiến thức chung</b>				
1.1	PHH6101	Triết học	4	<p>I học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng:</p> <p>I học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.</p>
<b>II. Kiến thức ngành</b>				
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	<p>I học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp,... cũng như hoàn thành chuyên đề thực tế, đề án tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.</p> <p>Nội dung chính bao gồm: Giới thiệu phương pháp nghiên cứu và Quy trình nghiên cứu khoa học: Xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu; Tổng quan tài liệu; Bản chất, dạng số liệu đo lường, phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu;</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
2.2	FIN6115	Chuyên đề nghiên cứu Tài chính-Ngân hàng	2	Học phần giúp cho học viên hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương chi tiết của CHIUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Nhà trường
2.3	ECO6101	Kinh tế học	3	Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.
2.5	ACC6106	Phân tích tài chính	3	Học phần Phân tích tài chính cung cấp cho học viên các kỹ năng phân tích tài chính nâng cao để ứng dụng đưa ra các quyết định cho hoạt động đầu tư và các quyết định tài chính của doanh nghiệp. Môn học trang bị kiến thức về phân tích báo cáo tài



STT	Mã IIP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				chính, định giá các tài sản tài chính, phân tích dự báo trong hoạt động đầu tư, kiểm soát đánh giá các rủi ro để ra các quyết định đầu tư phù hợp
2.6	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	3	Học phần Kinh tế lượng tài chính nghiên cứu các công cụ và kỹ năng cần thiết để áp dụng các phương pháp lượng vào giải quyết các bài toán tài chính. Môn học trang bị cho học viên những vấn đề về lý luận và khả năng xây dựng các mô hình tài chính phổ biến và biết cách áp dụng vào tính toán các số liệu thực tế.
2.7	FIN6114	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư	3	Học phần cung cấp các công cụ giúp học viên hiểu và nắm được một cách hệ thống các phương pháp phân tích, định giá, và đầu tư vào cổ phiếu; các tài sản có thu nhập cố định, các tài sản phái sinh, và các loại tài sản khác. Học viên cần nắm được những vấn đề chuyên sâu về các loại cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các tài sản khác. Hiểu bản chất và quy luật vận động của giá cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các loại tài sản khác. Vận dụng những kỹ thuật và phương pháp cơ bản để xác định giá trị của cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các tài sản khác. Đây là một trong bốn nội dung cơ bản nhất của chương trình đào tạo cấp chứng chỉ Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) liên quan tới nội dung định giá tài sản.
2.8	FIN6107	Tài chính công	3	Học phần trang bị cho học viên các lý thuyết về nghiệp vụ quản lý tài chính công bên cạnh đó học phần cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ quản lý nghiên cứu các vấn đề chính như cơ sở sự lựa chọn chính sách quản lý công và chi tiêu của chính phủ; phương án quản lý thuế và chi tiêu công của chính phủ; tác động ảnh hưởng của những chính sách quản lý tài chính công đến nền kinh tế; quản lý các nguồn tài chính để tài trợ cho các hoạt động của chính phủ
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	3	Học phần Pháp luật hợp đồng được định nghĩa là sự thỏa thuận giữa các chủ thể nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong những quan hệ xã hội cụ thể. Trong các hợp đồng yếu tố cơ bản nhất là sự thỏa hiệp giữa các ý chí, tức là có



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				<p>sự ưng thuận giữa các bên với nhau. Dương nhiên tự do hợp đồng không phải là tự do tuyệt đối. Nhà nước buộc các bên khi giao kết hợp đồng phải tôn trọng đạo đức, trật tự xã hội, trật tự công cộng. Trong những trường hợp thật cần thiết, nhân danh tổ chức quyền lực công, nhà nước có thể can thiệp vào việc ký kết hợp đồng và do đó giới hạn quyền tự do giao kết hợp đồng. Tuy nhiên sự can thiệp này phải là sự can thiệp hợp lý và được pháp luật quy định chặt chẽ để tránh sự lạm dụng, vi phạm quyền tự do hợp đồng. Pháp luật về hợp đồng bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể</p>
2.10	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	3	<p>Học phần Tài chính phái sinh và Quản trị rủi ro sẽ bổ sung và nâng cao cho học viên những kiến thức và công cụ cần thiết nhằm phát hiện, đo lường và hạn chế các rủi ro tài chính trong khi vẫn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh. Rủi ro trong tài chính rất đa dạng và phức tạp, các rủi ro thường xảy ra cùng lúc và có ảnh hưởng lẫn nhau, như rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường... Vì vậy, các công cụ đo lường rủi ro cũng đòi hỏi phải phân tách được phạm vi cũng như mức độ tác động của các loại rủi ro này. Các công cụ đo lường rủi ro thường dùng trong tài chính như mô hình VAR, dùng phương pháp stress test... Sau khi đo lường rủi ro, học phần sẽ giới thiệu các phương pháp quản trị rủi ro bằng các công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng kì hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi. Đặc biệt, học phần tập trung nghiên cứu các kĩ thuật sử dụng các công cụ này phục vụ mục tiêu phòng ngừa rủi ro, và cách đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro với từng hợp đồng cụ thể. Bên cạnh đó, các kĩ thuật mới nhằm kết hợp hai hay nhiều công cụ phái sinh để tạo ra chiến lược phòng ngừa rủi ro hiệu quả hơn cũng được giới thiệu trong học phần này.</p>
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	3	<p>Học phần Quản trị Tài chính trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng về phân tích và quản trị tài chính như: Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp; Quản</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trị các hoạt động tài chính doanh nghiệp; Phân tích cơ hội đầu tư và định lượng rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư. Học phần còn giúp cho học viên vận dụng được những kỹ năng phân tích và quản trị tài chính vào tình hình thực tiễn; học viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong nghiên cứu và quản lý tài chính doanh nghiệp; am hiểu các nguyên tắc quản lý tài chính để tự chủ và chịu trách nhiệm đối với các quyết định tài chính có liên quan.
2.12	FIN6105	Tài chính quốc tế	3	Học phần Tài chính Quốc tế cung cấp kiến thức về môi trường tài chính quốc tế mà tại đó các công ty sẽ hoạt động trong quá trình hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức về các lý thuyết kinh điển trong tài chính quốc tế thể hiện mối tương quan giữa các biến số kinh tế vĩ mô như lạm phát, lãi suất và tỷ giá; lựa chọn các chính sách trong nhiều kịch bản kinh tế khác nhau. Các mô hình khủng hoảng tài chính cũng được giới thiệu đến học viên và được thông qua các cuộc khủng hoảng xảy ra trong vài thập niên trở lại đây.
2.13	FIN6104	Quản trị kinh doanh ngân hàng	3	Học phần Quản trị Kinh doanh ngân hàng trang bị cho học viên những kiến thức và công cụ cần thiết về quản trị trong hoạt động ngân hàng, dựa trên kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn từ cả phía các ngân hàng lẫn các đơn vị kinh doanh. Môn học đặc biệt tập trung đến các nguyên lý, quy trình, ý nghĩa và trách nhiệm quản trị rủi ro trong các tình huống khác nhau xảy ra trong hoạt động ngân hàng. Hoạt động quản trị được thực hiện với hầu hết các hoạt động kinh doanh của ngân hàng như hoạt động tín dụng, hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư... Một số mô hình quản trị rủi ro cũng được giới thiệu giúp học viên hiểu rõ hơn quy trình tổng thể hoạt động quản trị rủi ro mà ngân hàng thực hiện như mô hình AIM (quản trị rủi ro tài sản nợ - tài sản có), mô hình quản trị rủi ro đơn lẻ, mô hình xếp hạng tín dụng, mô hình RAROC ... Sau khi học xong môn học, học viên có thể dự đoán những vấn đề về rủi ro mà họ có thể gặp phải trong công việc của mình, hiểu và ứng dụng được các phương pháp, cách thức quản trị rủi ro để từ đó có các phương



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				pháp giải quyết các tình huống đó một cách tối ưu.
2.14	FIN6112	Các Chủ đề đương đại về tài chính - Ngân hàng	3	I học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở cấp độ vĩ mô và vi mô, trang bị cho người học những kiến thức về các xu thế đổi mới trong điều hành chính sách tiền tệ của NHTW trong bối cảnh toàn cầu hóa, và sự tác động tràn của chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở; Những xu hướng mới trong các sản phẩm tài trợ ngân hàng trong giai đoạn hiện đại, sự kết hợp giữa hoạt động tài chính với kỹ thuật công nghệ cao (FINTECH), những tác động của hoạt động ngân hàng ngầm đến rủi ro hệ thống của hệ thống tài chính ngân hàng.
2.15	FIN6121	Định giá doanh nghiệp		I học phần Định giá doanh nghiệp nghiên cứu các phương pháp định giá khác nhau và cách thức áp dụng các phương pháp đó cho các loại hình doanh nghiệp. Môn học trang bị cho các học viên cao học các kiến thức chuyên sâu và kỹ năng cần thiết trong việc định giá, các phương pháp để định giá, các mô hình chiết khấu. Bên cạnh đó, học phần đi sâu thực hành các phương thức định giá với các loại hình doanh nghiệp khác nhau như: công ty dịch vụ tài chính, doanh nghiệp có thu nhập âm, công ty mới hoặc start-up, công ty tư nhân. Quá trình định giá sẽ giúp đo lường hiệu quả hoạt động, tốc độ tăng trưởng và làm căn cứ để định hướng cho các hoạt động tiếp theo của doanh nghiệp, là cơ sở để thực hiện việc mua bán và sáp nhập, cơ cấu các khoản thuế, giải quyết tranh chấp, tái cấu trúc doanh nghiệp hay báo cáo tài chính.
2.16	FIN6117	Thẩm định dự án	3	I học phần Thẩm định dự án cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các phương pháp/mô hình thẩm định dự án, bao gồm phương pháp tính, phương pháp chiết khấu dòng tiền và các phương pháp khác. Bên cạnh đó, học viên còn tiếp cận phân tích/ thực hành thẩm định và quyết định đầu tư dự án trong điều kiện không chắc chắn. Nội dung cuối cùng của học phần là vấn đề đặc biệt trong thẩm định dự án, chẳng hạn như thuế, lạm phát, dự án quốc tế,...



STT	Mã IIP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.17	FIN6122	Dự báo và Phân tích dữ liệu tài chính	3	<p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về dự báo và phân tích dữ liệu tài chính như: các phương pháp dự báo, đặc điểm của dữ liệu thời gian trong tài chính, tính toán, đánh giá và dự báo xu hướng cho một chuỗi dữ liệu thời gian, được mô hình hóa dưới dạng xu hướng tuyến tính hoặc phi tuyến tính; ứng dụng mô hình ARIMA, GARCH, VaR, VECM trong phân tích tự hồi quy, phương sai thay đổi, đồng tương quan, đo lường rủi ro, dự báo và phòng ngừa rủi ro trên cơ sở sử dụng ngôn ngữ lập trình R..</p> <p>Sau khi hoàn thành môn học, học viên có thể đánh giá và đề xuất các hàm ý chính sách/ quản trị cho các cấp quản lý để tham khảo điều chỉnh chính sách, có định hướng kinh doanh và phòng ngừa rủi ro trong nền kinh tế.</p>
<b>III. Kiến thức tốt nghiệp</b>				
3.1	BUS6402	Chuyên đề thực tế	6	<p>Học phần này giúp học viên thực hành chuyên tài các kiến thức trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập/đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề. Kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ những căn cứ cho việc chọn đề tài cho đề án tốt nghiệp</p>
3.2	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	9	<p>Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.</p> <p>Học phần này có mục tiêu giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;</li> <li>Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review).</li> </ul>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); <ul style="list-style-type: none"> <li>Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.</li> <li>Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.</li> </ul>

### 11. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo

- **Thư viện** có đủ những tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu của các môn học được thiết kế trong chương trình đào tạo.
- Phần mềm và máy tính phù hợp cho các môn học theo liệt kê trong bảng dưới đây

TT	Mã số HP	Tên học phần *	Số tín chỉ	Yêu cầu về cơ sở vật chất (Phòng thực hành, trang thiết bị, phương tiện dạy học, phần mềm...)	Học kỳ đào tạo
1	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Phần mềm SPSS 22.0, EMOS	1
2	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	3	Phần mềm Eviews	1
2	FIN6122	Dự báo và Phân tích Dữ liệu tài chính	3	Ngôn ngữ lập trình R	2

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.
2. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý cho Viện đào tạo sau đại học và các Trường ngành đào tạo sau đại học.
3. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu-ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
4. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được



Hiệu trưởng ban hành.

5. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

6. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

7. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Viện Đào tạo sau đại học tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

10. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Viện Đào tạo sau đại học tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Viện Đào tạo sau đại học rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. /.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Giang